

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC VÀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN

HOÀNG CHÍ BẢO(*)

Giành chính quyền là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Luận điểm quan trọng này của Lênin cho thấy, quyền lực Nhà nước nằm ở trung tâm của cuộc đấu tranh cách mạng. Muốn giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp để giải phóng cho mọi người lao động trong xã hội khỏi ách thống trị của đế quốc thực dân thì phải làm cách mạng để xóa bỏ quyền thống trị của các thế lực phản động, xác lập quyền lực của nhân dân, thuộc về nhân dân, thông qua giai cấp cách mạng tiên phong làm đại diện. Giai cấp ấy chính là giai cấp công nhân. Nước nhà có độc lập chủ quyền thì dân mới có tự do và làm chủ. Do đó, trước hết phải làm cách mạng giải phóng dân tộc, xác lập chế độ dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội bằng cách cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, trong đó Nhà nước phải là một nhà nước của dân, do dân, vì dân. Dân là chủ thể của xã hội, dân phải góp sức xây dựng nhà nước của mình, quản lý và kiểm soát nhà nước, đảm bảo cho quyền lực nhà nước do dân ủy quyền mà có phải thực sự phục vụ dân, thực hiện được quyền và lợi ích của dân, bảo vệ dân, trừng trị bằng pháp luật tất cả những thế lực nào xâm phạm tới các quyền của dân.

Nhà nước vừa quản lý xã hội vừa phục vụ xã hội, thực hiện chuyên chính với kẻ thù và dân chủ với nhân dân. Đó là một tóm tắt tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước. Từ đó, có thể tìm hiểu vai trò và bản chất của Nhà nước, những nội dung căn bản về tổ

chức và xây dựng nhà nước trong tư tưởng của Người.

1. Lên án sự dã man, tàn bạo, phản dân chủ của chủ nghĩa thực dân, thức tỉnh quần chúng lao khổ đoàn kết, đấu tranh đòi tự do độc lập.

Trong cuộc hành trình tìm đường cứu nước, tham gia vào cuộc đấu tranh chung của vô sản và lao động ở ngay trung tâm của chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân, Nguyễn Ái Quốc đã có điều kiện trực tiếp để nhận biết bản chất dã man tàn bạo của chúng.

Lên án và tố cáo những tội ác của chúng, đề ra những yêu cầu, những đòi hỏi chính đáng của con người, Nguyễn Ái Quốc đã có những trang viết đầy tính chiến đấu.

Bản yêu sách tám điều gửi tới Hội nghị Vec xay nơi mà các đế quốc bàn tính chia lại thuộc địa sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 – 1918) là một văn kiện lịch sử, đánh dấu một mốc quan trọng về sự trưởng thành trong đấu tranh chính trị của Người, cho thấy lập trường dân tộc, tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh của nhà cách mạng trẻ tuổi. Tiếng nói của Nguyễn Ái Quốc lúc này là tiếng nói đại diện cho những người bị áp bức đòi quyền tự do chính trị, đòi quyền sống và công lý. Đặc biệt là, bản yêu sách đã hé mở lần đầu tiên tư tưởng tự do, dân chủ, nhất là tư tưởng về Nhà nước pháp quyền khi Người nhấn mạnh tới vai trò của luật pháp.

Không chỉ nêu yêu sách đòi quyền sống, quyền tự do, từ tự do tư tưởng, tự do lập hội, tự do ngôn luận, báo chí... bản yêu sách của Nguyễn Ái Quốc còn đặt ra một đòi hỏi bức

thiết: Bãi bỏ chế độ ra các sắc lệnh bằng việc ban hành các đạo luật. Quản lý Nhà nước có công cụ chủ yếu là luật pháp. Đê cao và tôn trọng luật pháp là tinh thần của một nhà nước hiện đại, một xã hội văn minh. Luật pháp phải trở thành ý chí của Nhà nước và xã hội để thực thi và bảo vệ quyền lực của giai cấp thống trị, của quyền lực công cộng thông qua các tổ chức công quyền. Trong nhà nước pháp quyền, luật pháp được đề cao, ở vị trí tối thượng.

Trong thời kỳ chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền, trong “Việt Nam yêu cầu ca”, Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ tư tưởng về pháp quyền và trù tính Nhà nước sẽ được xây dựng sau khi cách mạng thắng lợi là một nhà nước pháp quyền.

Người viết:

“Bày xin Hiến pháp ban hành

Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”

Trở lại tư tưởng về Nhà nước, khởi đầu bằng việc vạch trần tội ác của bọn thực dân, vào năm 1925, Nguyễn Ái Quốc đã viết tác phẩm chính luận nổi tiếng “Bản án chế độ thực dân Pháp”. Tác phẩm được viết trên lập trường Mácxít, đã tập trung tố cáo những thủ đoạn vạch trần sự thật giả dối về văn minh khai hóa của chúng.

Người nhấn mạnh “Nền văn minh của thực dân đã dùng ngọn đuốc cổ truyền thủ tiêu đến chút tự do cuối cùng của người bản xứ. Đã làm cho người bản xứ phải đần độn và câm, chúng vẫn chưa hài lòng, chúng còn muốn họ phải điếc nữa kia. Chúng bịt tai họ, không cho họ nghe tiếng vang của những biến cố bên ngoài. Chỉ đơn giản bằng một nét bút, chúng đình chỉ hẳn đời sống tinh thần của cả một dân tộc” (1).

Trước sự thật bất công tàn bạo ấy, chỉ có đấu tranh, chỉ có cách mạng giải phóng mới thay đổi được. Do đó, Người đã kêu gọi, “Vì hòa bình thế giới, vì tự do và sự ấm no của mọi người, những người bị bóc lột thuộc mọi nòi giống, chúng ta hãy đoàn kết lại và

đấu tranh chống bọn áp bức” (2).

Công cuộc đấu tranh giải phóng ấy để đi tới độc lập tự do, để tiến tới nắm quyền lực vào tay mình, cần có sự phối hợp ở cả thuộc địa, ở cả chính quốc. Người đã viết thư kêu gọi sự đoàn kết, nâng cao tình hữu ái giai cấp để cùng chống kẻ thù chung. Người làm cho anh em ở các thuộc địa hiểu rằng, sống trong chế độ bản xứ do thực dân cai trị, với những tòa án đặc biệt, thiếu hẳn các quyền lợi gắn liền với phẩm giá con người như quyền tự do lập hội, tự do hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại ngay cả trên đất nước của anh em. Đó là về mặt chính trị (3). Nói với anh em bị áp bức ở chính quốc, Nguyễn Ái Quốc vạch trần thủ đoạn quỷ quyệt của giai cấp tư sản dùng những người bị áp bức ở các thuộc địa để đàn áp mọi cố gắng tự giải phóng của anh em ở chính quốc. Người vạch rõ, đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, quyền lợi của chúng ta là thống nhất, các bạn hãy nhớ lời kêu gọi của Các Mác “Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại” (4).

Từ những quan niệm tư tưởng đó về chủ nghĩa đế quốc, về liên minh quốc tế của giai cấp vô sản trong việc thực hiện sứ mệnh giải phóng, ta hiểu rõ vì sao về sau này, khi bàn về bản chất của nhà nước, Người đã không quên nhấn mạnh ở hàng đầu, bản chất của Nhà nước là bản chất giai cấp.

2. Bản chất của Nhà nước kiểu mới.

Người nhấn mạnh nhà nước ta là nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, nước ta là một nước dân chủ, chế độ ta là chế độ dân chủ. Trong một nước dân chủ thì địa vị cao nhất là nhân dân. Dân là người chủ nhà nước và làm chủ xã hội.

Nhà nước ta là Nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo... chúng ta

¹ Hồ Chí Minh, Toàn tập. CTQG. H.95. T1, tr.407

² Hồ Chí Minh, Toàn tập. CTQG. H.95. T1, tr.460

³ Hồ Chí Minh. Sđd. T2, H.95. tr.127

⁴ Hồ Chí Minh. Sđd. T2, H.95., tr.128

(*) GS.TS. Triết học, Hội đồng Lý luận Trung ương.

cần phải tăng cường không ngừng sự lãnh đạo của giai cấp công nhân đối với nhà nước dân chủ nhân dân (5).

Bản chất ấy phải được thể hiện ở mục đích và trách nhiệm của chính quyền Nhà nước đối với dân. “Nhiệm vụ của Chính quyền và Đoàn thể (ý nói về Đảng) là phụng sự nhân dân. Nghĩa là làm đầy tớ cho dân... Việc gì lợi cho dân thì phải làm cho kỳ được. Việc gì hại cho dân thì phải hết sức tránh” (6)

Bản chất của Nhà nước Dân chủ còn thể hiện ở chức năng của nhà nước đó. Đó là chức năng cai trị (quản lý) và phục vụ. Các chức năng của Nhà nước đều đồng quy về mục đích dân chủ, tôn trọng dân là người chủ và phục vụ dân vì dân là chủ. Người giải thích cặn kẽ quan hệ giữa chuyên chính và dân chủ. Theo Hồ Chí Minh, chế độ nào cũng có chuyên chính. Vấn đề là ai chuyên chính với ai? Dưới chế độ phong kiến, tư bản, chuyên chính là số ít người chuyên chính với đại đa số nhân dân. Dưới chế độ dân chủ nhân dân, chuyên chính là đại đa số nhân dân chuyên chính với thiểu số phản động chống lại lợi ích của nhân dân, chống lại chế độ dân chủ nhân dân.

So sánh một cách cụ thể, nhà phải có cửa, cửa phải có khóa, thế mới đề phòng được kẻ gian ăn trộm hết của cải, tài sản của dân. Dân chủ cũng cần phải có chuyên chính để giữ gìn lấy dân chủ (7).

Trong lịch sử nhà nước ta kể từ khi xác lập chế độ dân chủ cộng hòa, đã có thời kỳ Nhà nước dân chủ nhân dân và chuyên chính dân chủ nhân dân chuyển sang làm nhiệm vụ của chuyên chính vô sản và ngày nay, đất nước đang mở cửa, hội nhập quốc tế ngày càng đi vào chiều sâu, vấn đề xây dựng một nhà nước mạnh mang một nội dung ý nghĩa toàn diện. Chức năng chuyên chính ấy được thực hiện bằng cách phát huy cao độ sức mạnh thống nhất của các cơ quan cấu

thành Nhà nước, ra sức thực hiện Dân chủ - Đoàn kết - Đồng thuận trong xã hội. Tất cả những việc làm đó cũng chỉ nhằm phát huy quyền lực của nhân dân. “Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân” (8).

Bản chất giai cấp công nhân của nhà nước ta gắn liền với tính nhân dân, tính dân tộc và Dân chủ của nhà nước, nói rộng hơn, của xã hội và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trong tất cả các giai cấp từng xuất hiện và tồn tại trong lịch sử, duy nhất chỉ có giai cấp công nhân là giai cấp thể hiện được tinh thần cách mạng triệt để, nói theo Hồ Chí Minh là làm Cách mạng đến nơi. Giai cấp công nhân là sản phẩm mà nền đại công nghiệp tạo ra dưới chủ nghĩa tư bản. Được đào luyện trong môi trường công nghiệp, giai cấp công nhân là giai cấp thể hiện rõ rệt nhất tính tổ chức, tính kỷ luật. Đặc tính này do chính nền sản xuất công nghiệp hiện đại đòi hỏi và tạo ra như một tất yếu khách quan. Nhờ có phẩm chất này mà giai cấp công nhân trở thành giai cấp lãnh đạo. Hơn nữa, và đây là điều quan trọng nhất quy định bản chất, vai trò, sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân – đó chính là giai cấp công nhân là giai cấp đại biểu cho một phương thức sản xuất tiên tiến, cho xu thế đi lên của lịch sử. Lực lượng sản xuất xã hội hóa rộng lớn và ngày càng sâu sắc sẽ đòi hỏi một quan hệ sản xuất mới, mang tính xã hội hóa tương ứng với nó, trong đó cái cốt yếu nhất là chế độ sở hữu xã hội (công hữu) về những tư liệu sản xuất chủ yếu. Chính giai cấp công nhân đại biểu cho lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cho chế độ sở hữu xã hội như thế. Nó là giai cấp của tương lai, có tương lai, triển vọng tốt đẹp nhất, trong

khi các giai cấp khác sẽ suy tàn theo đà phát triển của đại công nghiệp. Đó là điều đã được luận chứng và khẳng định trong di sản kinh điển Mác-xít. Ngày nay, sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học công nghệ, của công nghệ thông tin, sự hình thành xã hội thông tin (hậu công nghiệp) và kinh tế tri thức đặt ra yêu cầu khách quan là phải tri thức hóa và trí thức hóa (trí tuệ hóa) giai cấp công nhân. Có như vậy, giai cấp công nhân mới đảm trách được vai trò và sứ mệnh lịch sử thế giới của mình. Với một tầm nhìn chiến lược, Hồ Chí Minh đã từng nêu rõ, giai cấp công nhân để xứng đáng là giai cấp cách mạng và có vai trò lãnh đạo cách mạng thì phải ra sức trau dồi năng lực về lý luận, rèn luyện đạo đức, tính tổ chức kỷ luật, nâng cao học vấn, văn hóa, làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ tiên tiến.

Cũng chính bản chất giai cấp công nhân đã cho thấy, đây là giai cấp không có lợi ích riêng của mình với nghĩa là tư hữu về tư liệu sản xuất. Giai cấp công nhân chỉ tìm thấy lợi ích chân chính của mình khi nó thực hiện được lợi ích của dân tộc và xã hội. Cho nên khi thực hiện giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giai cấp công nhân đồng thời giải phóng cho chính mình. Tiến tới chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, giai cấp công nhân cũng sẽ tự xóa bỏ mình với tính cách là một giai cấp. Những tư tưởng kinh điển đó đến với Hồ Chí Minh trở nên giản dị mà sâu sắc. Người nêu bật sự thống nhất giữa giai cấp với dân tộc và nhân loại. Đặc biệt là, trong tính lịch sử đặc thù của Việt Nam, Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh, giai cấp công nhân tìm được lực lượng và sức mạnh của mình, do chỗ nó gắn bó mật thiết với nhân dân và dân tộc.

Giai cấp công nhân Việt Nam, được Người giải thích rằng, nó ra đời trong hoàn cảnh thực dân Pháp khai thác thuộc địa, lập ra nhiều nhà máy, đồn điền, khai mỏ, đó là sự phát triển công nghiệp từ chính quốc đưa vào thuộc địa bản xứ. Tuy số lượng không

đông, lại chưa được đào luyện nhiều trong nền Đại công nghiệp của chính mình nhưng giai cấp công nhân Việt Nam ngay từ đầu đã cùng chung cảnh ngộ nước mất, nhà tan, mất chủ quyền độc lập tự do với nhân dân và dân tộc mình. Bởi thế, giai cấp công nhân kế thừa truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc, gắn bó mật thiết với dân tộc và nhân dân, từ truyền thống yêu nước và chủ nghĩa yêu nước truyền thống mà tiếp thu tinh thần thời đại và chủ nghĩa quốc tế chân chính. Nhờ thế mà giai cấp công nhân hoàn toàn có tư cách của một giai cấp lãnh đạo. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân cũng đồng thời là đội tiên phong của nhân dân, của dân tộc, đại biểu chân chính cho lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc và nhân dân.

Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân nên nhà nước đó phần đầu cho lợi quyền của nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Người đặc biệt chú trọng đến đặc điểm và truyền thống dân tộc. Đó là dân tộc Việt Nam – đại gia đình của các dân tộc anh em, đồng bào Kinh chiếm đa số cùng với đồng bào 53 dân tộc thiểu số khác cùng chung sống, đoàn kết, bình đẳng, tôn trọng và tin cậy lẫn nhau, cùng chung lưng đấu cật giúp đỡ nhau phát triển và tiến bộ. Trong thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số họp ở Pleiku (1946) ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công và chế độ dân chủ cộng hòa được xây dựng, Người đã viết những lời chân thành, cảm động: Giang sơn là giang sơn chung, chính phủ là chính phủ chung, chúng ta đều là con em của đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Chúng ta no đói có nhau, sướng khổ cùng nhau, hoạn nạn cùng nhau, ở bên nhau, hạnh phúc cùng nhau chia sẻ, cùng tranh đấu cho nền độc lập tự do của Tổ quốc.

Truyền thống yêu nước, cố kết cộng đồng bền chặt là những giá trị bền vững, cao quý. Xây dựng một nhà nước dân chủ, thực hiện

⁵ Hồ Chí Minh. Sdd. T9, H.96. tr.586

⁶ Hồ Chí Minh. Sdd. T6, H.96 tr.88

⁷ Hồ Chí Minh. Sdd. T8, H.96 tr.279 - 280

⁸ Hồ Chí Minh. Sdd. T8, H.96 tr. tr.590-591

cho được quyền làm chủ của nhân dân, đó chính là thể hiện sâu sắc bản chất của nhà nước ta – một nhà nước dân chủ - pháp quyền cũng là một nhà nước pháp quyền nhân nghĩa, thực sự của dân, do dân và vì dân.

3. Sức mạnh của Nhà nước là sức mạnh của Dân chủ, kỷ cương, luật pháp, của Đoàn kết và đồng thuận, do dân tổ chức xây dựng nên, do dân tham gia quản lý và kiểm soát, vì dân mà hành động.

Quốc dân Đại hội Tân Trào được triệu tập tại khu Giải phóng, ngay bên thềm của Tổng Khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước năm 1945 đã mang hình thức của một chính phủ lâm thời. Đó là mô hình đầu tiên của Nhà nước kiểu mới ở nước ta. Từ hồi đó, Hồ Chí Minh đã hình dung thật rõ ràng chính thể ở nước ta là chính thể dân chủ cộng hòa, có quốc hiệu, quốc kỳ, quốc ca thể hiện đúng tinh thần Dân chủ và Cách mạng.

Quyền lực thuộc về nhân dân. Nhân dân cử ra những đại diện của mình, làm việc cho dân, làm việc vì dân. Người trong bộ máy Nhà nước do dân lựa chọn, bầu ra phải hành động sao cho xứng đáng với sự tín nhiệm, ủy thác của dân.

Nói tới Nhà nước, tới chế độ Dân chủ, một vấn đề cốt yếu nổi bật là bầu cử một cách thực sự dân chủ, người công dân nào cũng có quyền dân chủ tự do trong bầu cử, đề cử và ứng cử.

Nhà nước thực sự dân chủ thì quyền lực được tạo ra và thi hành phải hợp hiến, hợp pháp, dân chúng có quyền tự do trong bầu cử theo phương thức tổng tuyển cử, phổ thông đầu phiếu, không phân biệt, không kỳ thị, không biệt phái.

Người đã nói về phương thức bầu cử, tổng tuyển cử để tạo ra thiết chế và thể chế dân chủ ở nước ta trong những ngày đầu xây dựng chế độ mới như sau:

“Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có

tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà. Trong cuộc tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử, hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó... Tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng, tức là dân chủ, đoàn kết” (9).

Người còn giải thích rõ, do tổng tuyển cử mà toàn dân bầu ra Quốc hội. Quốc hội sẽ cử ra Chính phủ. Chính phủ đó thật là chính phủ của toàn dân.. (10)

Về cơ cấu tổ chức, thiết chế của Nhà nước, mô hình, thể chế Dân chủ Cộng hòa, Hồ Chí Minh trong việc chỉ đạo soạn thảo Hiến pháp đầu tiên năm 1946, thành lập Quốc hội thông qua Tổng tuyển cử, đến Chính phủ (hành pháp) và Tòa án, Viện Kiểm sát (tư pháp) đã nêu cao và thực hiện ý chí của toàn dân, xác lập nên hệ thống tổ chức thực thi quyền lực nhân dân. “Chính quyền từ xã đến chính phủ trung ương do dân cử ra..., quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân, lợi ích đều vì dân, quyền hạn đều của dân” 11, do đó Nhà nước là của dân, các cơ quan nhà nước từ Trung ương tới chính quyền ở các địa phương và cơ sở đều phải phục vụ dân, tồn tại chỉ vì dân, phải thực thi chức năng quản lý theo luật pháp, chăm lo tổ chức tốt cuộc sống của dân.

Nói về bản Hiến pháp năm 1946, Hồ Chí Minh đã giải thích rõ, chế độ do Hiến pháp 1946 xác nhận đã đảm bảo độc lập dân tộc và một nền dân chủ rộng rãi của nhân dân. Ngay từ khi mới thành lập, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền nhân dân đã ban bố Luật lao động, thi hành giảm tô, tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và bọn Việt gian đem chia cho dân cày. Quyền bầu cử và ứng cử, quyền tham gia công việc của

⁹ Hồ Chí Minh. Sđd. T4, H.96, tr.133

¹⁰ Hồ Chí Minh. Sđd. T4, H.96, tr.133

¹¹ Hồ Chí Minh. Sđd. T5, H.96, tr.698

Nhà nước và của nhân dân được đảm bảo, quyền tự do dân chủ được thực hiện. Đó là một chế độ dân chủ mới (12).

Dân chủ là quyền lực của dân, thuộc về dân. Đó là đặc trưng bản chất của Nhà nước ta, làm cho chế độ Nhà nước trùng hợp với chế độ dân chủ. Sức mạnh của nhà nước là sức mạnh của quyền lực nhân dân. Điều đó không chỉ là quyền được ghi vào Hiến pháp, luật pháp, được thể chế hóa mà còn phải thực hiện trong thực tế. Nhà nước có thực quyền thì dân chủ mới thực chất. Trong lý luận về Nhà nước và Dân chủ, tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ làm rõ cách tổ chức thiết chế bộ máy mà còn chú trọng xác lập thể chế, đặc biệt là luật pháp, đồng thời còn khẳng định chủ thể quyền lực, chủ thể ủy quyền là nhân dân.

“Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Chế độ tuyển cử của chúng ta thực hiện dân chủ đồng thời thực hiện sự đoàn kết toàn dân. Mọi người công dân từ 18 tuổi trở lên đều có quyền bầu cử, từ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử.

Việc tuyển cử tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân. Nguyên tắc ấy bảo đảm quyền kiểm soát của nhân dân đối với đại biểu của mình (13).

Nói một cách giản dị, trực tiếp mà sâu sắc và thấm thía vai trò của dân, quyền lực của

dân, Người còn khẳng định rằng, nếu chính phủ không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của dân thì dân không cần đến nữa, dân có quyền đuổi chính phủ đi (tức là bãi miễn theo luật định).

Người nói rõ hơn về Quốc hội và Hội đồng nhân dân. “Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực của Nhà nước ở địa phương”.

“Chế độ kinh tế và xã hội của chúng ta nhằm thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, trên cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển, cách bóc lột theo chủ nghĩa tư bản được xóa bỏ dần, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân ngày càng được cải thiện. Do đó, nhân dân ta có đủ điều kiện thật sự tham gia quản lý Nhà nước”.

Đề cao trách nhiệm của Nhà nước, từ các cơ quan công quyền đến các công chức đối với nhân dân, luật pháp phải thể chế hóa thành các nguyên tắc, quy tắc và các chế tài, làm cho quyền gắn liền với bổn phận, trách nhiệm, lợi ích gắn liền với nghĩa vụ.

Ngay bản thân dân chúng, đã có quyền làm chủ thì cũng phải tự giác thi hành nghĩa vụ của người chủ. Trong những nghĩa vụ của công dân, Người nói rõ nghĩa vụ lao động và học tập, thi hành pháp luật, thực hành đạo đức công dân, tham gia xây dựng và quản lý Nhà nước (14).

Luật pháp phải quy định nhiệm vụ cho tất cả các cơ quan nhà nước là phải dựa vào nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự kiểm soát của nhân dân (15).



¹² Hồ Chí Minh. Sđd. T9, H.96, tr.582

¹³ Hồ Chí Minh. Sđd. T9, H.96, tr.590-591

¹⁴ Hồ Chí Minh. Sđd. T9, H.96, tr.591-592

¹⁵ Hồ Chí Minh. Sđd. T9, H.96, tr.591-592